

PHẠM TRÙ TỰ NHIÊN TRONG LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH VĂN HỌC CỔ TRUNG QUỐC VÀ VIỆT NAM

Lê Đắc Tường

Trường THPT Duy Tân, Kon Tum

Ledactuong@gmail.com

Nhận bài ngày: 6/6/2019; Ngày duyệt đăng: 27/08/2019

Tóm tắt

Bài viết nghiên cứu phạm trù Tự nhiên trong tư tưởng Thiền Lão và trong lý luận, phê bình văn học cổ Trung Quốc; đồng thời tập trung làm rõ quan niệm Tự nhiên trong lý luận, phê bình văn học cổ điển Việt Nam với hai nội dung: Tự nhiên trong quan niệm của các tác giả thời Lý - Trần và Tự nhiên trong quan niệm của các tác giả thời Lê - Nguyễn.

Từ khóa: Thiền-Lão, Tự nhiên, văn học cổ điển.

The concepts of nature in literary theory and criticism in classical Chinese and Vietnamese literature

Abstract

This article examines the concept of Nature in Zen Buddhist and Taoist thoughts, expressing in the literary critical works written by the Chinese as well as the Vietnamese classical authors. The article consists of two parts: Concept of Nature in the works of Ly – Tran period, and Concept of Nature in the works of Le – Nguyen period.

Keywords: Zen Buddhism, Taoism, Nature, classical literature.

1. Đặt vấn đề

Trong các nước Đông Á, Trung Quốc với nền văn học có lịch sử trên 2000 năm được xem là “nền văn học lâu đời” là trung tâm kiến tạo vùng; các nước còn lại như Hàn Quốc, Nhật Bản và Việt Nam được xem là “nền văn học trẻ” là ngoại biên. Nguồn chung và dòng riêng của nền văn học các nước Đông Á đã và đang có sức hút rất lớn và mở ra chân trời cho ngành nghiên cứu văn học nhất là nghiên cứu văn học so sánh và những nghiên cứu chuyên sâu về tư duy nghệ thuật, quan niệm văn học,... Trong giới hạn, bài viết chỉ nghiên cứu phạm trù Tự nhiên trong lý luận và phê bình văn học cổ Trung Quốc và Việt Nam để thấy rõ hơn bản chất của vấn đề cũng như sự hình thành, phát triển và vai trò, sự ảnh hưởng của phạm trù Tự nhiên trong văn học của mỗi nước.

2. Tự nhiên (自然) trong tư tưởng Thiền-Lão và trong lý luận, phê bình văn học cổ Trung Quốc

Tìm hiểu, nghiên cứu về tư tưởng Lão Trang,

chúng tôi nhận thấy Tự nhiên là phạm trù bản thể luận của tư tưởng Lão Trang. Khi Phật giáo du nhập vào Trung Quốc, kết hợp với Lão Trang hình thành Thiền tông Trung Quốc. Vì thế, tư tưởng Thiền tông cũng có quan niệm Tự nhiên gần giống như Lão Trang.

Nói đến Lão Trang, đầu tiên phải nói đến phạm trù Đạo. Đây là một khái niệm chi phối toàn bộ học thuyết Lão Trang. Tư tưởng của Lão Tử và Trang Tử tuy cũng có một vài điểm chưa thống nhất, nhưng quan niệm về Đạo thì thống nhất. Cả hai đều có cùng quan niệm giống nhau về Đạo và mối quan hệ giữa Đạo với Tự nhiên. Lão Trang quan niệm Đạo là tổng nguyên lý sinh ra trời đất, vạn vật: “*Đạo sinh nhất, nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật*”. Về mối quan hệ giữa Đạo với Tự nhiên, câu “*Đạo pháp tự nhiên*” của Lão Tử và “*Đạo kiêm ư thiên*” của Trang Tử có nghĩa giống nhau, đều nói đến mối quan hệ giữa Đạo với Tự nhiên, hay Đạo tức là Tự nhiên, Tự nhiên là Đạo thể. Trong *Nam hoa kinh*, Trang Tử đã dành riêng một

thiên Tiêu dao du để nói về Tự nhiên. Ông quan niệm Tự nhiên tức là tự do sống theo bản tính.

Trong quan niệm của Lão Trang, Tự nhiên được hiểu ở hai cấp độ. Tự nhiên là bản thể của Đạo, tức là Đạo và Tự nhiên là quy luật của vạn vật. Học thuyết Lão Trang đề cao Tự nhiên, tức Đạo, vì thế rất xem trọng vô vi. Bởi theo Trang Tử, vô vi mà làm gọi là Tự nhiên: “Vô vi vi chi vị thiên”. Đồng thời, Lão Trang rất coi trọng quy luật Tự nhiên, cho rằng, mọi sự vật trong vũ trụ đều được Đạo sinh ra, vận hành theo quy luật của riêng mình, con người không nên can thiệp vào. Lão Trang kịch liệt phản đối, bài bác những cái làm hại đến sự phát triển Tự nhiên của vạn vật. Có thể hiểu, Tự nhiên vừa là bản thể của Đạo, vừa là quy luật của Đạo, vừa là dụng của Đạo.

Lão Trang quan niệm Đạo chính là Tự nhiên, Tự nhiên có tính “phác”, “phác” cũng là Đạo, cũng có nghĩa là tự tánh của vạn vật. Đó là ý nghĩa nguyên thâm của Tự nhiên. Lão Trang cũng rất đề cao luật, trật tự của Tự nhiên, đó là một nghĩa khác của Tự nhiên.

Hai nét nghĩa này cũng được Thiền tông quan niệm. Cốt lõi của tư tưởng Thiền tông chính là “Trực chỉ nhân tâm, Kiến tánh thành Phật”. Tánh chính là hạt mầm Bồ đề ở mỗi con người, vì theo quan niệm của nhà Phật, con người ai cũng có Phật tính. Phật tính, cũng có thể hiểu tương tự như là tự tánh (Phác, Tự nhiên, Đạo) của Lão Trang. Việc Lão Trang đề cao hành động vô vi, kêu gọi con người phải trở về với Đạo, với Tự nhiên, với bản tánh hồn toàn của mình, cũng tương tự như Phật giáo Thiền tông quan niệm “Bản lai diện mục”, muốn giải thoát, đắc Đạo thì phải trở về để “Minh tâm, kiến tánh”. Thiền tông cũng hết sức tôn trọng Tự nhiên, “*Bình thường tâm thị đạo*” là câu nói của Nam Tuyền (749 - 835) để khai thị cho Triệu Châu thể hiện rõ quan niệm Tự nhiên của Thiền tông. Cách tu của Thiền tông gắn với hành động Tự nhiên của mỗi người, không câu nệ giáo lý, hình thức tu, không gượng ép. Theo Thiền tông, để trở về với Phật tính không đòi hỏi phải hành động “nhân vi”, cứ tuân theo quy luật Tự nhiên, tức là tiếp tục các nhiệm vụ bình thường và khiêm tốn trong đời sống, như Capra nhận định:

“Thành tựu của Thiền là sống đời sống hằng ngày một cách hồn nhiên chất phác. Trả lời Thiền là gì, thiền sư Đại Huệ đáp: Đói thì ăn, mệt thì nghỉ” (Capra, 1975; Nguyễn Trường Bách dịch, 2001).

Như vậy, Tự nhiên theo quan niệm của Thiền-Lão chính là “vô vi” và “vô tâm”. Tức là hốt nhiên làm, không cần cố gắng, không miễn cưỡng, không câu nệ, là làm mà không cần để ý việc mình làm. Đó là hành động đến mức hoàn thiện.

Từ quan niệm về Tự nhiên của Lão Trang và Thiền tông, có thể thấy ở cấp độ mỹ học, tư tưởng Thiền-Lão là tư tưởng sùng thượng Tự nhiên. Đó là vẻ đẹp của Tự nhiên, tức Đạo, đó là vẻ đẹp của hành động “vô vi”, của quy luật Tự nhiên.

Lý tưởng sùng chuộng Tự nhiên của Thiền-Lão có ảnh hưởng rất lớn đối với nghệ thuật Trung Quốc, trong đó có quan niệm về văn học. Trong lịch sử lý luận, phê bình văn học cổ Trung Quốc, từ thời Ngụy Tấn - Nam Bắc triều đến thời Minh - Thanh đều có dấu ấn của Tự nhiên.

Khởi đầu cho khuynh hướng này có lẽ là Lục Cơ (261-303) trong *Văn phú*. Lục Cơ cho rằng cần phải tránh những sự trang sức thái quá trong văn chương và phê phán lối văn cầu kỳ mà vô vi, qua đó đề cao Tự nhiên: “Hoặc là bỏ lý mà suy tôn cái kỳ lạ, câu tìm cái trống rỗng. Hoặc là phóng túng chạy theo sự hòa hợp âm thanh, thích thú những điều ồn ào quyến rũ, làm vui con mắt một cách vô vi, chạy theo thời thượng. Tiếng thì lớn mà giai điệu thì tầm thường” (Dương Ngọc Dũng, 1999: 54).

Đến Lưu Hiệp (466-532), với *Văn tâm điều long*, lý luận, phê bình văn học cổ Trung Quốc đã đạt bước phát triển vượt bậc. Trong *Văn tâm điều long*, Lưu Hiệp đã đề cao Tự nhiên trong văn chương. Điều đó thể hiện ở hai điểm: Thứ nhất, trong thiên *Nguyên Đạo*, đã 5 lần Lưu Hiệp đề cập đến Tự nhiên. Thứ hai, trong thiên *Ẩn Tú*, Lưu Hiệp đề cao vẻ đẹp Tự nhiên trong văn chương và hành động vô vi khi sáng tác văn chương. Ông quan niệm rằng: “*Nhiên yên ái thiên thành, bất lao ư trang điểm; dung hoa cách định, vô đãi ư tài dung; thâm thiển nhi các kì, nùng tiêm nhi câu điệu, nhược huy chi tắc*

hữu dư, nhi lãm chi tắc bất túc hĩ” (Về đẹp cũng do trời định sẵn, chẳng cần phải điểm tô; mây khói hoặc dày hoặc mỏng, từng đám lộ về lạ kỳ; nhan sắc hoặc đậm hoặc tươi, thấy đều đẹp để tuyệt diệu. Nếu cứ để tự nhiên, về đẹp sẽ dồi dào, nhưng tay người xen vào, thì bao nhiêu cũng thiếu). Cuối thiên *Ấn Tú*, một lần nữa Lưu Hiệp khẳng định, đề cao về đẹp của Tự nhiên: “*Cho nên, tự nhiên là đẹp, cũng giống như cây cỏ phát ra anh hoa, nhuận sắc để được đẹp thì cũng giống như the lụa đem nhuộm xanh nhuộm đỏ. Xanh đỏ nhuộm the lụa, màu thắm song quá rợ. Hoa nở rộ trên cây, màu nhạt nhưng đẹp tươi*” (Trần Thanh Đạm, Phạm Thị Hào, 2007: 446, 447).

Cùng thời với Lưu Hiệp, Chung Vinh (468-518) chủ yếu bàn về thơ. Trong *Thi phẩm*, Chung Vinh đề cao về đẹp Tự nhiên của thơ ca, phê phán việc lạm dụng điển cố, thanh vận. Ông cho rằng trang sức che đậy không thể dẫn tới cái đẹp, chỉ có cái hồn nhiên, Tự nhiên mới mang lại cho người thưởng thức văn chương cái dư vị vô cùng. Khi bình luận về thơ của 39 nhà thơ ở phần trung phẩm, Chung Vinh cho rằng thơ ca mang về đẹp Tự nhiên, nếu dùng quá nhiều điển cố thì chỉ làm tổn hại đến thơ ca: “*Toại nãi cú vô hư ngữ, ngữ vô hư tự, câu luyện bổ nạp, đồ văn dĩ thâm. Dẫn tự nhiên anh chỉ, hãn trị kỳ nhân*” (Thế rồi câu nào cũng điển, chữ nào cũng dùng điển, gò bó chấp vá, làm hại thơ ca quá lắm. Nhưng thơ ca vốn hay đẹp tự nhiên thì lại ít người đạt tới) (Chung Vinh (-), Nguyễn Đình Phúc và cộng sự tuyển dịch, 2008: 124). Phẩm bình về thơ của Nhan Diên Chi và Nhậm Phưởng, Chung Vinh cho rằng hai ông đã lạm dụng điển cố khiến thơ mất về Tự nhiên, đó là cái tệ của văn chương. Nhận xét về thơ Nhan Diên Chi, Chung Vinh viết “*Hựu hi dụng cổ sự, dĩ kiến câu thúc*” (Lại ưa dùng điển cố hiểm dị, nên thơ thêm gò bó thiếu phần tự nhiên) (Chung Vinh (-), Nguyễn Đình Phúc và cộng sự tuyển dịch, 2008: 176).

Đến đời Đường, sùng thượng Tự nhiên được Lý Bạch, Thích Hiệu Nhiên, Lý Thương Ẩn,... chủ trương. Lý Bạch tôn sùng phong cách thơ Tự nhiên, ông ca ngợi thơ Tạ Diều là “*thanh*

phát” trong Tuyên Châu Tạ Diều lâu biệt Hiệu thư Thúc Vân:

*Bồng Lai văn chương Kiến An cốt,
Trung gian Tiểu Tạ hựu thanh phát.*

(Văn chương tươi đẹp như chốn Bồng Lai, cốt cách cứng cỏi như văn chương thời Kiến An; Trong đó lại phát ra thanh tân hết mực như thơ Tạ Diều)

Và khen thơ bạn mình - Vi Thái Thú là Tự nhiên:

*Thanh thủy xuất phù dung,
Thiên nhiên khí điều sức.*

(Phù dung trên nước trong, Tự nhiên chẳng trang sức) (Lê Giang, 2005: 78).

Vì vậy, Lý Bạch phản đối loại văn chương “*điều chương trắc cú*”, coi trọng văn chương thiên chân, Tự nhiên. Trong *Cổ phong*, bài 35, ông đã dùng cách nói của Trang Tử (ở thiên Thu thủy, Tử vô quý) để phê phán văn chương chuyên gọt đẽo, mô phỏng làm mất Tự nhiên: “*Điều trùng táng thiên chân*” (Chạm trổ mất tự nhiên).

Thi tăng Thích Hiệu Nhiên rất xem trọng Tự nhiên trong thơ. Điều này, thể hiện rõ trong tác phẩm *Thi thức* của ông. Bình thơ Tạ Linh Vận, ông viết: “*Trước kia từng bàn luận về văn chương của Khang Lạc, coi trọng tính tình, đề cao tác dụng, không chú ý văn từ đẹp để mà vẫn phong lưu tự nhiên... Huệ Huru cho rằng thơ họ Tạ như hoa phù dung vươn trên mặt nước. Lời ấy cũng gần gũi thay*” (Khoa Ngữ văn và Báo chí, 2006: 154). Cũng vì đề cao Tự nhiên, nên Thích Hiệu Nhiên phê phán *Thanh luật luận* của Thẩm Ước: “*Thẩm Huru Văn phân vạch bát bệnh một cách khắt khe, sử dụng từ thanh một cách vụng về khiến mất hết trang nhã. Văn nhân tài tử sau này, thiên cơ thấp kém, ngu muội đắm chìm trong khuôn phép sai lầm của họ Thẩm đến độ không đủ sức quay trở ra*” (Khoa Ngữ văn và Báo chí, 2006: 155).

Lý Thương Ẩn đời Văn Đường cũng rất đề cao Tự nhiên trong sáng tác văn chương. Ông cho rằng làm thơ cần chú trọng tình cảm chân thực, tránh gò ép, gọt giũa cầu kỳ làm mất đi vẻ đẹp hoàn mỹ của thơ. Ông nói về sự vô dụng, vô giá trị của việc mài ngọc, qua đó đề cao Tự nhiên của thơ ca:

*Nhất phiến quỳnh anh giá động thiên,
Liên thành thập nhị tích hư truyền.*

*Lương công xảo phí chân vi lụy,
Chữ điệp thành lai bất trị tiền.*

(Nhất phiến) (Lê Quang Trường, 2009: 51).

(Một khối ngọc quỳnh giá động trời,

*Chuyện xưa đem mười hai thành đổi lấy viên
ngọc đã mài chỉ là hư truyền.*

*Thơ lành khéo léo mài thật chỉ nhọc công phí
sức,*

Mài xong lá dó ngọc, chẳng đáng bao nhiêu tiền!)

Đến đời Tống, cả Âu Dương Tu, Tô Đông Pha, Nghiêm Vũ đều chủ trương văn chương thuận theo Tự nhiên, phản đối văn phong cổ xưa, khó hiểu. Theo Âu Dương Tu, học văn chương của người xưa chủ yếu là học ở điểm Tự nhiên: “*Mạnh, Hàn văn tuy cao, không tất yếu phải dựa vào đấy, chọn lấy điểm tự nhiên của họ mà thôi*” (Khoa Ngữ văn và Báo chí, 2006: 183).

Tô Đông Pha quan niệm làm thơ, làm văn phải dựa trên cơ sở thực tế, xuất phát từ tình cảm chân thật, ngôn từ mộc mạc, tự do phóng khoáng cốt sao diễn đạt được tới đa tình cảm của chủ thể sáng tác. Ông quan niệm việc sáng tác thơ văn phải Tự nhiên thành. Chính vì thế, ông phản đối loại văn màu mè đương thời và kiểu tối nghĩa của cổ văn. Ông nói: “*Thức tôi lớn lên nơi hương đồng cỏ nội, không được học văn đương thời, nên ngôn từ chất phác, không trang điểm màu mè*” (Khoa Ngữ văn và Báo chí, 2006: 194).

Nghiêm Vũ quan niệm làm thơ không nên gò bó, phải Tự nhiên. Trong *Thương Lang thi thoại*, khi luận bàn về phép làm thơ, Nghiêm Vũ nêu ra những điều nên và những điều kỵ trong sáng tác thơ. Theo ông: “*Lời văn quý ở tự nhiên, không được gò bó cưỡng ép*” (Khoa Ngữ văn và Báo chí, 2006: 319). Trong *Thương Lang thi thoại*, khi biện luận về thơ, Nghiêm Vũ đã gắn với tư tưởng Thiên tông, trong đó có quan niệm Tự nhiên.

Đến đời Minh, Lý Chất đề ra thuyết “*Dĩ tự nhiên chi vi mỹ*”. Ông cho rằng, sự ra đời của một tác phẩm không thể bắt nguồn từ việc sáng tác lệ thuộc vào luật thi hoặc bất cần luật thi, mà phải xuất phát từ tình cảm Tự nhiên thì lời văn sẽ lưu loát, có ý tứ. Ông còn ví việc sáng tác

thuận theo Tự nhiên tựa như hóa công, người đã tạo ra vạn vật sinh sôi nảy nở tươi đẹp trên trái đất nhưng không hề để lại một dấu vết gì cho thấy sự áp đặt. Từ đó, ông cực lực phản bác loại nghệ thuật chỉ lo tô vẽ mà không có một ý vị gì.

Đến đời Thanh, kết thúc lý luận, phê bình văn học cổ Trung Quốc, Vương Sĩ Chân và Viên Mai cũng rất đề cao Tự nhiên trong sáng tác văn chương. Quan niệm văn chương của Vương Sĩ Chân là sự nối tiếp tư tưởng của Nghiêm Vũ và mang sắc thái Thiên-Lão với thuyết Thần vận. Theo ông, thơ có ba phẩm chất, bao gồm Xung đậm, Tự nhiên và Thanh kỳ. Ba phẩm chất này mang đậm quan niệm Tự nhiên của Thiên-Lão.

Viên Mai (1716-1797), trong *Tùy Viên thi thoại*, cũng đã đề cao hồn thơ Tự nhiên, mà ông gọi là “*Thiên lai*”, giống như cách nói của Trang Tử. Ông quan niệm, hồn thơ Tự nhiên mà không đến thì cố sức cũng không được. Ông đồng tình với quan niệm của Diệp Thư Sơn: “*Hắn như lời ông nói nhưng làm thơ mà công phu chưa hết sức thì thiên lai cũng không thể đến được, dẫu rằng thiên lai cũng do công sức mà tìm ra. Câu nói này hay lắm*” (Viên Mai (-), Trương Đình Chi dịch, 2002: 278). Ý kiến của Viên Mai cũng đã làm sáng tỏ một điều quan trọng, đó là: Văn chương quý ở Tự nhiên, Tự nhiên không chỉ có nghĩa là thô sơ, giản lược, Tự nhiên có được nhờ công phu, chuyên tâm hết mực như công việc đeo bánh xe, mổ bò trong sách Trang Tử.

Điềm qua quan niệm Tự nhiên của một số tác giả văn học cổ Trung Quốc từ thời Nam Bắc triều cho đến đời Thanh, có thể thấy:

Tự nhiên là một phẩm chất cao đẹp của văn chương. Tự nhiên là bản thể, đồng thời là mục đích tối thượng của văn chương. Quan niệm Tự nhiên trong văn chương thể hiện ở tình cảm Tự nhiên, lời văn Tự nhiên, tôn trọng hành động sáng tác vô vi, phản đối sự gọt giũa làm mất đi vẻ đẹp Tự nhiên. Tự nhiên không phải là sự giản đơn, sơ sài mà nó là thành quả của công lực, sự chuyên tâm hết mực của người nghệ sĩ, đó là kết quả của một hành trình đầy gian khó: “*Khán tợ tâm thường tới kỳ quật, thành như dung dị khước nan tân*” (Xem giống tâm thường nhưng đó là kỳ lạ đặc sắc nhất, xong rồi tưởng dễ, thực

ra hết sức gian nan) (Nguyễn Tôn Nhan, 1998: 897). Trong lý luận, phê bình văn học cổ Trung Quốc, có thể thấy, từ đời Đường, đã hình thành phong cách Tự nhiên trong văn chương, từ đó phong cách này trở thành một truyền thống thẩm mỹ xuyên suốt trong văn học cổ Trung Quốc.

Sùng thượng Tự nhiên theo quan niệm của Thiền-Lão đã ảnh hưởng rất lớn đến đời sống văn học Trung Quốc suốt mấy nghìn năm. Tầm ảnh hưởng của nó không chỉ ở Trung Quốc mà còn ở cả những nước khác, trong đó có Việt Nam.

3. Tự nhiên trong lý luận, phê bình văn học cổ điển Việt Nam

Sùng thượng Tự nhiên đã trở thành truyền thống thẩm mỹ trong văn học cổ Trung Quốc, sức ảnh hưởng của nó thì sâu rộng vô cùng. Văn học nói chung và lý luận, phê bình văn học cổ điển Việt Nam nói riêng cũng nằm trong nguồn mạch của sự ảnh hưởng đó. Điều này được thể hiện qua quan niệm của các tác giả ở hai giai đoạn: thời Lý - Trần và thời Lê - Nguyễn.

3.1. Tự nhiên trong quan niệm của các tác giả thời Lý - Trần

Tự nhiên trong quan niệm văn học của các tác giả thời Lý - Trần chủ yếu ở hình thức gián tiếp, tức là biểu hiện qua tác phẩm. Trong giai đoạn này rất ít, thậm chí là không có những phát biểu trực tiếp, nhưng qua sự thể hiện trong tác phẩm, quan niệm Tự nhiên trong tư tưởng Thiền-Lão đã hiện hữu. Điều này biểu hiện trong quan niệm của các tác giả sau đây.

Trong văn học thời Lý - Trần, số lượng tác giả văn học là thiền sư chiếm đa số. Quan niệm Tự nhiên được các thiền sư thể hiện qua sáng tác với những biểu hiện: Tự nhiên - bản thể; Tự nhiên - đạt Đạo; Tự nhiên - vô vi; Tự nhiên - an nhiên, tự tại; Tự nhiên - tùy duyên; Tự nhiên - con người hợp nhất.

Như đã nói ở phần trên, Tự nhiên là bản thể của Đạo, Tự nhiên là Đạo. Phan Trường Nguyên là thiền sư thuộc thế hệ thứ mười của dòng Thiền Quan Bích đã thể hiện quan niệm Tự nhiên là Đạo trong bài Thị đạo:

*Tại quang tại trần,
Thường ly quang trần.
Tâm phủ trùng triết,*

*Dữ vật vô thân.
Thể ư tự nhiên,
Ứng vật vô ngân.
(Ở trong ánh sáng, ở trong hạt bụi,
Nhưng không phải là ánh sáng, cũng không
phải hạt bụi.
Thân tâm thì trong suốt,
Không kết thân với vật nào cả.
Là bản thể của giới tự nhiên,
Ứng nghiệm vào tất cả các vật, không trừ vật
nào.) (Viện Văn học, 1977: 475).*

Cả Lão Trang và Thiền Tông đều hướng đến sự thấu triệt về chân tánh, tức là Tự nhiên ở cấp độ bản thể luận, tức Đạo. Thơ Thiền thời Lý - Trần có không ít bài thơ Thiền thể hiện sự giác ngộ của các bậc chân tu. Ở đó, các thiền sư đã “kiến tánh”, đạt Đạo. Mỗi bài thơ, bài kệ của các thiền sư thể hiện sự ngộ Đạo, đạt đến chánh quả.

Theo quan niệm của Thiền tông, đạt Đạo tức là ngộ được chân tánh. Thuần Chân thiền sư đời Lý, trong bài kệ trước khi viên tịch, đã ngộ được “chân tánh”:

*Chân tánh thường vô tánh,
Hà tăng hữu sanh diệt.
Thân thị sanh diệt pháp,
Pháp tánh vị tăng diệt.*

(Thị đệ tử bản tịch)
Dịch thơ: “Chân tính” thường không tính,
Sinh diệt có bao giờ.

*Thân là nguồn sinh diệt,
Pháp tính vẫn như xưa.*

(Đỗ Văn Hỷ dịch) (Dương Phong, 2014: 58).

Sự đắc Đạo của các thiền sư cũng thể hiện quan niệm Tự nhiên ở trạng thái “hốt nhiên ngộ”. Bài Kính trung xuất hình tượng của Bản Tịnh thiền sư thể hiện điều đó:

*Huyễn thân bản tự không tịch sinh,
Do như kính trung xuất hình tượng.
Hình tượng giác liễu nhất thiết không,
Huỷ thân tu du chứng thực tướng.*

(Tám thân hư ảo này vốn từ hư không tĩnh
mịch sinh ra,

*Giống như cái bóng xuất hiện trong gương.
Đã hiểu rõ rằng chỉ có cái bóng thì hết thấy
đều là không,*

Tám thân hư ảo phút chốc chứng được thực

tương.)

(Viện Văn học, 1977: 507).

Những bài thơ của các thiền sư nói về sự ngộ Đạo chủ yếu là những bài kệ với chức năng trình bày, lý giải về Thiền tông. Đương thời, nhà vua Lý Nhân Tông đã ngưỡng mộ sự đắc Đạo của thiền sư Vạn Hạnh, Giác Hải và Thông Huyền qua bài thơ *Tán Giác Hải thiền sư, Thông Huyền đạo nhân* và *Truy tán Vạn Hạnh thiền sư*.

Sang đến đời Trần, tư tưởng sùng thượng Tự nhiên ở cấp độ bản thể luận được tiếp tục thể hiện rõ nét hơn. Tiêu biểu hơn cả là trong sáng tác của Tuệ Trung Thượng Sĩ. Sáng tác của ông thể hiện rõ chân lý: Đạo - Phật ở ngay trong chính mỗi con người, không phải ở bên ngoài. Vì vậy, ông kêu gọi mọi người hãy trở về với chính mình để kiến tính, đạt Đạo. Khi được Trần Nhân Tông (lúc còn là Thái tử) hỏi về cái gốc của tôn chỉ Thiền, Tuệ Trung đáp: “*Phản quan tự kỷ bốn phận sự, bất cầu tha đắc*” (Hãy quay nhìn lại cái gốc của mình, chớ cầu ở bên ngoài) (Viện Văn học, 1989: 547). Câu nói của Tuệ Trung rất gần với quan niệm của Lão Trang về “*Phục kỳ bốn, phản kỳ chân*”.

Như đã nói ở phần trên, Tự nhiên trong tư tưởng Thiền-Lão thể hiện qua quan niệm vô vi. Ba bài thơ sau đây của ba vị thiền sư thể hiện Tự nhiên ở khía cạnh vô vi.

Đáp Quốc vương quốc tộ chi vấn (Quốc tộ) là một trong những áng văn đầu tiên của văn học cổ điển Việt Nam. Tác phẩm thể hiện rõ quan niệm vô vi của thiền sư Pháp Thuận:

*Quốc tộ như đằng lạc,
Nam thiên lý thái bình.
Vô vi cư điện các,
Xử xử tức đao binh.
(Vận mệnh đất nước như dây leo quấn quýt,
Ở cõi trời Nam dựng thái bình.
Sống vô vi nơi cung điện,
Khắp nơi sẽ hết chiến tranh.)* (Viện Văn học, 1977: 204).

Có lẽ, đây là tác phẩm văn học đầu tiên của Việt Nam đề cập trực tiếp đến vô vi, một quan niệm cốt tử và uyên thâm trong tư tưởng Thiền-Lão. Tinh thần vô vi trong Quốc tộ là câu trả lời của thiền sư với nhà vua khi được tham vấn về

vận nước. Vô vi ở nơi cung điện, cũng chính là vô vi trên khắp đất nước, vô vi trên mọi lĩnh vực của đời sống, trong đó có vô vi trong văn chương. Vô vi trong Quốc tộ mang nét nghĩa vô vi của Lão Trang và giống như thái độ vô vi của thiền sư Hiện Quang trong *Đáp tăng vấn*:

*Ná tự Hứa Do đức,
Hà tri thế kỷ xuân?
Vô vi cư khoáng dã,
Tiêu dao tự tại nhân.
Dịch thơ: Hứa Hứa thường quen nét,
Bao xuân mặc cõi đời
Mênh mông quãng đồng rộng,
Tùy ý tự rong chơi.*

(Ngô Tất Tố dịch) (Dương Phong, 2014: 30).

Cũng vô vi, nhưng trong *Cảm hoài* của thiền sư Chân Không lại gần nghĩa vô vi theo quan niệm của Thiền tông:

*Diệu bản hư vô nhật nhật khoa,
Hoà phong xuy khởi biến sa bà.
Nhân nhân tận thức vô vi lạc,
Nhược đắc vô vi thủy thị gia.
Dịch thơ: Chân không diệu thể quanh ta,
Làm nên mây thuận gió hòa nơi nơi.
Phúc thiền ai cũng biết rồi,
Hoa thiền nở giữa lòng người dễ không?*

(Nguyễn Bá Chung dịch) (Dương Phong, 2014: 11).

Vô vi trong *Quốc tộ*, *Đáp tăng vấn* và *Cảm hoài* mang tính triết lý, đó cũng là thái độ của con người trong xã hội. Vô vi của ba vị thiền sư thể hiện quan niệm Tự nhiên theo tư tưởng Thiền-Lão.

Tự nhiên trong quan niệm của thiền sư thể hiện qua sự an nhiên, tự tại trước quy luật sinh tử và sự thịnh suy của cuộc đời. Mãn Giác thiền sư thể hiện niềm lạc quan trước quy luật Tự nhiên, qua bài thơ *Cáo tật thị chúng*:

*Xuân khứ bách hoa lạc,
Xuân đáo bách hoa khai.
Sự trục nhãn tiền quá,
Lão tòng đầu thượng lai.
Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận,
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai.*

(Viện Văn học, 1977: 298).

Tuệ Trung sống theo Tự nhiên, vì vậy với

ông vấn đề sinh tử là Tự nhiên, không bận tâm và hiểu được quy luật sinh tử cũng chính là nhận ra được “bản lai tính”:

Sinh tử vong hoại,

Tiền liễu đắc bản lai tính ngộ.

(Trữ từ tự cảnh văn)

(Sống chết không để tâm,

Thì hiểu được ngay chân tính xưa.) (Viện Văn học, 1989: 295).

Tự nhiên trong quan niệm của thiền sư còn thể hiện trong quan niệm “tùy duyên”. Đi, đứng, nằm, ngồi cũng là Thiền, vì vậy, trong thơ Thiền, nhớ người cũ (Cung viên xuân nhật hoài cựu - Trần Thánh Tông), cảnh mùa hè (Hạ cảnh - Trần Thánh Tông), cảnh đêm ở hành cung (Hạnh Thiên Trường hành cung - Trần Thánh Tông), cảnh chiều ở làng quê (Thiên Trường văn vọng - Trần Nhân Tông), cảnh đi chơi thuyền (Phiếm chu - Huyền Quang),... cũng là Thiền và cũng là thơ. Đối với các thiền sư, việc sáng tác thơ cũng tùy theo cảm hứng, có hứng thì sáng tác, hết hứng thì nghỉ, thuận theo Tự nhiên. Những câu thơ sau đây của Tuệ Trung thể hiện rõ sự tùy duyên theo Tự nhiên:

Sinh tử do lai bãi vấn trình,

Nhân duyên thời tiết tự nhiên thành.

(An định thời tiết)

(Sống chết do đâu không cần hỏi,

Nhân duyên thời tiết tự nhiên hình thành.)

(Viện Văn học, 1989: 246).

Và đó cũng là quan niệm tùy duyên trong bài phú Cư trần lạc đạo của Phật hoàng Trần Nhân Tông:

Cư trần lạc đạo thả tùy duyên,

Cơ tắc xan hề, khốn tắc miên.

Gia trung hữu bảo, hưu tâm mịch,

Đối cảnh vô tâm, mặc vấn Thiền.

(Sống ở trên đời tùy theo hoàn cảnh mà vui với đạo,

Đói thì ăn, mệt thì ngủ.

Của báu sẵn trong nhà khỏi tìm kiếm,

Trước cảnh vật mà vô tâm thì không phải hỏi Thiền là gì.)

(Viện Văn học, 1989: 497).

Tự nhiên trong quan niệm của các thiền sư còn thể hiện ở triết lý “vạn vật nhất thể”, tức Tự

nhiên - con người hợp nhất.

Trong thơ Thiền thời Lý - Trần, hình ảnh Tự nhiên siêu phàm, mang tính biểu tượng được thể hiện bởi cảm quan Phật giáo. Với quan niệm “vạn vật nhất thể”, các thiền sư đã xem vũ trụ với con người có cùng một cội nguồn, một bản thể. Con người thấy mình trong Tự nhiên, là một phần của Tự nhiên nên trong mình có cả vũ trụ. Khi vua Lý Thái Tông hỏi thiền sư Thiền Lão: “Hằng ngày Hòa thượng làm gì?”, thiền sư đáp kệ:

Thúy trúc, hoàng hoa, phi ngoại cảnh,

Bạch vân, minh nguyệt, lộ toàn chân.

(Trúc biếc, hoa vàng chẳng phải là cảnh bên ngoài,

Mây trắng, trăng trong lộ rõ cái “chân” toàn vẹn).

(Viện Văn học, 1977: 239).

Câu trả lời của thiền sư Thiền Lão thể hiện rõ quan niệm Tự nhiên - con người hợp nhất. Quan niệm này còn được nhiều thiền sư khác bộc lộ qua những bài kệ, bài thơ. Sau đây là bài thơ tiêu biểu.

Vua Trần Thánh Tông cuối đời cũng là một thiền gia. Cảnh sắc trong thơ Trần Thánh Tông thấm đượm chất Thiền qua con mắt của thiền sư đắc Đạo, ẩn chứa những phút giây ngộ Thiền với sự hòa hợp tuyệt đối giữa con người và trời đất cỏ cây. *Hạnh An Bang* phủ tiêu biểu cho điều đó:

Triêu du phủ vân kiệu,

Mộ túc minh nguyệt loan.

Hốt nhiên đắc giai thú,

Vạn tượng sinh hào đoan.

(Sáng chơi trên ngọn núi có đám mây nổi,

Tối về nghỉ ở eo biển trăng sáng.

Bỗng nhiên được hứng thú hay,

Muôn hình tượng nảy sinh ra đầu ngọn bút.)

(Viện Văn học, 1989: 400).

Quan niệm sùng thượng Tự nhiên không chỉ có ở các thiền sư, các tác giả khác cũng đã bộc lộ quan niệm này, tiêu biểu: Trần Anh Tông, Trần Quang Triều, Nguyễn Trung Ngạn, Chu Văn An, Nguyễn Phi Khanh,... Họ là những quý tộc, nhà nho khi “xuất”, khi “xử” thì họ quay về với Tự nhiên, lấy Thiền-Lão làm chỗ dựa tinh thần.

Khi “xử” các quý tộc, nhà nho quay về với Đạo, với Tự nhiên, vì vậy, trong sáng tác, bên

chạnh sự ưu tư về thời cuộc, họ đề cao Tự nhiên, xem đó là nơi di dưỡng tinh thần, nơi để trở về với bản tính, diệu thể của chính mình.

Trần Anh Tông vị vua thứ tư của đời Trần cũng là tín đồ Phật giáo. Thơ của ông có những bài đậm chất Thiền. Trong bài thơ Vân Tiêu am, Trần Anh Tông đã ca ngợi sự thanh tịnh, thoát tục của các bậc chân tu. Am thiền tọa lạc trên đỉnh núi giáp trời mây, bốn mùa chỉ có gió mát, trăng thanh. Ở đó xuất hiện một vị sư và cả người, gió, trăng kết thành “tam tài”. Tiểu vũ trụ hòa vào đại vũ trụ.

Trần Quang Triều, trong *Đề Gia Lâm tự*, khi đã ngội lạnh với chính sự, ông dạo bước cửa Thiền, hòa mình vào thiên nhiên vạn vật:

Tâm khô oa giác mộng,

Bộ lý đảo Thiền đường.

Xuân văn hoa dung bạc,

Lâm u thiền vận trường.

Dịch thơ: *Ngội ngắt lòng danh lợi,*

Am Thiền rào bước qua.

Xuân chầy hoa mỏng manh,

Rừng thẳm ve ngân nga.

(Nguyễn Huệ Chi - Hoàng Lê dịch) (Dương Phong, 2014: 216).

Với Nguyễn Trung Ngạn, giữa con người và Tự nhiên (chiếc thuyền, mặt trăng, dòng sông, ngọn gió) như hòa thành một:

Nhân tại biển châu nguyệt tại hà,

Động Đình thu hứng hạo vô nha.

Mộng hồn bất quản yên ba cách,

Nhất dạ Đông phong tống đảo gia.

(Bạc Lãng Thành cơ)

Dịch thơ: *Người ở thuyền con, trăng ở sông,*

Động Đình thu hứng trải, mênh mông,

Mộng mơ chẳng quản mây xa cách,

Một lối về nhà cậy gió đông.

(Trần Duy Vân dịch) (Dương Phong, 2014: 122).

Nguyễn Phi Khanh có cùng quan niệm với Trần Quang Triều. Trong bài thơ Gia viên lạc, khi đã: “Tâm tông nhàn xứ thiên ưu thất” (Lòng thanh thoi thì ngàn mối lo tan hết), Nguyễn Phi Khanh cùng hòa đồng với Tự nhiên: “An Nhân chí dĩ toại u cư” (Theo chí An Nhân thỏa mãn với cảnh thanh nhàn vắng vẻ) (Gia viên lạc).

Tìm hiểu về quan niệm Tự nhiên của các tác

giả thời Lý - Trần, chúng ta thấy rằng, tuy không có những phát biểu trực tiếp, nhưng từ thực tiễn sáng tác, quan niệm sùng thượng Tự nhiên, ý thức về tầm quan trọng của Tự nhiên trong văn chương cũng đã được các vị bộc lộ. Với họ, Tự nhiên là bản thể; Tự nhiên là đạt Đạo; Tự nhiên là vô vi; Tự nhiên là sự an nhiên, tự tại; Tự nhiên là sự tùy duyên; Tự nhiên và con người hợp nhất. Văn chương chính là Đạo, là Tự nhiên. Sáng tác văn chương chính là đến với Đạo, trở về với chân tánh là phục kỳ bản. Văn chương phải Tự nhiên, phải tùy duyên mới đến được Tự nhiên với Đạo. Tự nhiên là nơi di dưỡng tâm hồn để có thể an nhiên, tự tại trong cuộc đời. Tất cả những điều này sẽ được các tác giả giai đoạn sau (thời Lê - Nguyễn) thể hiện một cách trực tiếp hơn.

3.2. Tự nhiên trong quan niệm của các tác giả thời Lê - Nguyễn

Sau thời Lý - Trần, quan niệm sùng thượng Tự nhiên trong văn chương được các tác giả thời Lê - Nguyễn tiếp tục thể hiện rõ nét hơn, trực tiếp hơn.

Các nhà nho sau khi trả xong nợ công danh, lui về ở ẩn. Với họ không có gì bằng khi sống ung dung tự tại với Tự nhiên. Bản chất của văn chương là không vụ lợi, cho nên khi họ tránh xa những bon chen vật chất, danh lợi thì tâm hồn trở nên thanh thản, tự tại, từ đó mới cảm xúc Tự nhiên, chân thực và những vần thơ tuyệt diệu khởi phát.

Nguyễn Trãi quan niệm sống trong Tự nhiên, hòa mình cùng Tự nhiên sẽ thưởng thức được vẻ đẹp của Tự nhiên, đó cũng là môi trường thuận lợi cho thơ ca:

Hàng chim ngủ, khi thuyền đỗ,

Vùng nguyệt lên thuở nước cường.

Mua được thú màu trong thuở ấy,

Thế gian hay một khách văn chương!

(Trần tình, bài 6)

Trong thơ của Nguyễn Trãi, những hình ảnh như: vườn rau, ao cá, lũy tre, giếng nước, ruộng đồng, tiếng côn trùng,... đều là những hình ảnh gắn liền với cuộc sống thôn quê đạm bạc, giản dị. Chính cảnh Tự nhiên ấy, thơ xuất hiện.

Nguyễn Bình Khiêm là người tiêu biểu về

quan niệm Tự nhiên. Tư tưởng của ông có sự kết hợp giữa Nho giáo, Thiên-Lão và Kinh Dịch. Dấu ấn Thiên-Lão trong thơ Nguyễn Bình Khiêm tương đối rõ nét, nhất là quan niệm về Tự nhiên. Tự nhiên trong thơ của Nguyễn Bình Khiêm thể hiện ở các cấp độ: Tự nhiên là tự tánh, Tự nhiên là vô vi, Tự nhiên là quy luật. Trong Thơ Nôm, bài 118 và chùm thơ Ngụ hứng, Nguyễn Bình Khiêm đã nói về Tự nhiên chính là tự tánh của mình. Tính Tự nhiên (Ngô thiên) hay bản lai diện mục là khái niệm tối quan trọng trong tư tưởng Thiên-Lão. Ở Nguyễn Bình Khiêm, Tự nhiên gắn với nhân, một từ thường xuất hiện trong thơ của ông:

*Mịch đặc thôn khê địa nhất thiên,
Nhân lai ngô diệc lạc ngô thiên.*

(Ngụ hứng, bài 4)

(Tìm được một miếng đất ở cạnh con khe trong làng,

Khi thanh nhàn ta cũng vui với tính tự nhiên của ta)

Trong thơ Nguyễn Bình Khiêm, chữ “nhàn” không đơn thuần là sự nhàn rỗi, mà là triết lý sống. Đó là phong cách sống an tịnh, siêu thoát, không vướng công danh, không lụy những điều tầm thường, thế tục. Chữ “nhàn” trong thơ Nguyễn Bình Khiêm thường đi với chữ “tự tại”, thể hiện thái độ sống vô vi, thuận theo quy luật Tự nhiên của Bạch Vân cư sĩ.

Sau Nguyễn Bình Khiêm, từ khoảng cuối thế kỷ XVI, về mặt tư tưởng, văn học Việt Nam, ảnh hưởng của Nho giáo trong văn học bắt đầu suy giảm. Đến đầu thế kỷ XVIII, tư tưởng Thiên-Lão lại chiếm ưu thế. Giai đoạn này, Thiên-Lão “không đơn thuần chỉ là cánh rừng để nghỉ ngơi của kẻ sĩ hành đạo như trước kia, mà nó trở thành cách nghĩ xuyên suốt những đánh giá về cuộc đời, tạo thành nhân sinh quan của các nhà nho tài tử” (Lê Giang, 2001: 104). Lý luận, phê bình văn học cổ điển Việt Nam giai đoạn này phát triển cả số lượng lẫn chất lượng, trong đó quan niệm sùng thượng Tự nhiên theo tư tưởng Thiên-Lão đã được phát biểu một cách tường minh. Theo chúng tôi thống kê, chỉ tính từ thế kỷ XVIII đến hết thời kỳ cổ điển đã có hơn hai mươi tác giả phát biểu quan niệm về sùng

thượng Tự nhiên trong văn chương. Các ý kiến phát biểu tập trung vào nội dung chính: Văn chương - Tự nhiên - Đạo, *Văn chương - Tự nhiên không gọt gũa*.

Văn chương - Tự nhiên - Đạo

Khi phát biểu trực tiếp về Văn chương - Tự nhiên - Đạo, các tác giả cổ điển Việt Nam thường nhấn mạnh đến mối quan hệ giữa văn chương với Đạo, với Tự nhiên và quy luật Tự nhiên. Điều này chúng tôi cũng đã có đề cập trong bài viết Khuynh hướng Thiên – Lão trong quan niệm văn học Việt Nam giai đoạn hậu kỳ Trung đại (Lê Đắc Tường, 2019):

Nguyễn Dưỡng Hạo cho rằng âm thanh của trời là thứ âm thanh đầu tiên trong trời, nguyên sơ không hỗn tạp. Âm thanh của con người trái ngược với âm thanh của trời, vì sự hỗn tạp, lẫn lộn tà chính. Thi nhân muốn theo được cái Đạo của vạn vật thì phải thuận theo đặc tính mộc mạc, đơn sơ của Tự nhiên và thể hiện sự Bình đạm trong văn chương. Từ đó, ông cho rằng văn chương đạt đến Tự nhiên đó chính là tiếng sáo Trời (Thiên lai), tức là đạt đến Đạo: “*Nói chung hiểu trời bằng sự giản dị, hiểu đất bằng sự đơn sơ, thênh thênh rất công bằng, có sự huyền diệu ứng hợp để tạo thành sự vật, suy nó nơi việc làm, đặt nó nơi ngôn từ, từ cái này suy tới cái khác, gặp vật phẩm dễ, phong vận tự nhiên không do đẽo gọt, há không phải là đã nắm được nguyên thanh đó sao?*” (Đỗ Văn Hỷ, 1993: 58).

Ngô Thì Nhậm là nhà nho, cuối đời theo Phật, Lão và còn được tôn xưng là “Trúc Lâm đệ tứ Tổ”, vì vậy quan niệm của ông về văn chương cũng mang nét Thiên-Lão. Trong bài “Viết cho ông em thứ hai nói chuyện về văn”, ông đã trích dẫn thơ của Trần Tử, khẳng định những câu thơ của Trần Tử gần với thuyết Lão Trang và cho rằng những người như Trần Tử có thể kết bạn. Từ đó, Ngô Thì Nhậm luận về tài, trí và nhận định: “Nếu biết tìm đến bản chất tinh túy thì những cái phù hoa không cần bỏ mà nó tự bỏ; những cái sai ngoa không cần cắt mà nó tự cắt, có thể trở về với thực tế thuần chất và giữ được nguyên vẹn bản chất của ta” (Nguyễn Minh Tấn, 1981: 71). Quan niệm văn chương của Ngô Thì Nhậm mang màu sắc vô vi, Tự

nhiên của Thiên-Lão.

Bùi Dương Lịch cho rằng thơ có nguồn gốc từ Đạo, Đạo là mẹ của vạn vật, đặc tính của Đạo là thuần phác, xuất phát từ cái tâm trong sáng. Thơ là biểu hiện của cái tình, tình tới thì biểu hiện thành thơ. Thơ xuất phát từ Tự nhiên nên có cái ý nghĩa bao quát, sâu sắc. Cho nên: “*Tình tới thì bút tới, nên cái hứng phiêu bồng chơi vui bên trăng sao và cặp ngang vũ trụ, thấp thoáng nơi ngoài tình, không thể một bài một câu có thể thu lượm được, cái mà Trang Chu gọi “nếu có cái chân tế mà không nắm được manh nha của nó, e rằng đó chẳng phải là sự hỗn toàn của cái thần chẳng?”*” (Đỗ Văn Hỷ, 1993: 33).

Bùi Huy Bích khuyên người làm thơ nên theo Đạo, chứ không nên đua lạ tranh khéo khi làm thơ. Ông cho rằng chính vì thơ biểu hiện Đạo, Tự nhiên nên khi làm thơ không cần kỳ lạ, hoa mỹ: “*Tác giả nên đi tìm văn thơ của cái Đạo cùng tốt, chứ đua tranh kỳ lạ ở tứ hoa mà làm gì?*” (Cảm tác khi sưu tập Thi sao) (Đỗ Văn Hỷ, 1993: 66).

Ngô Thị Chí và Vũ Duy Thanh thì quan niệm quan hệ văn chương, Tự nhiên, Đạo ở khía cạnh chân tánh.

Trong bài *Nói tiếp bài phú Thiên Thai*, Ngô Thị Chí cho rằng văn chương chính là món quà của tạo hóa, vì vậy ta cần biết trân trọng và giữ gìn nguồn gốc Tự nhiên ấy bằng cách giữ gìn cái chân tính của mình. Ông quan niệm tu thân, rèn văn phải lấy Tự nhiên làm trọng, phải lấy chân thực, bỏ hư tạp, có như vậy bản thân mới giữ được chân tính, thơ văn mới đạt Tự nhiên.

Vũ Duy Thanh, trong mộng được gặp Đào Tiềm, nhận được lời khuyên của Đào Tiềm nên sống hồn nhiên và tìm về chân tánh thì có thể hiểu được văn chương. Những lời Vũ Duy Thanh nghe được trong mộng cho thấy Tự nhiên thật đáng quý, vi diệu. Tự nhiên thể hiện ở sự thanh thân, hồn nhiên, chân tánh: “*Lòng dục của con người không bờ bến, nhưng đúng với hòa điệu của tự nhiên thì ít lắm, ông thanh thân mà sống, thì vật nào có thể làm phiền được; thế gian đa sự, cảnh thực mịt mờ, ông hãy hồn nhiên mà sống, thì mình sao chẳng là tiên? Ông hãy tìm nó nơi thâm tâm của ông vậy, đâu phải câu chấp*

nơi bài phú và bài kí của tôi...” (Phan Trọng Thường và cộng sự, 2007: 273).

Nguyễn Đức Đạt cho rằng văn chương quý ở chỗ Tự nhiên, không gì đẹp rực rỡ và sâu sắc như vạn vật trong trời đất, mà những thứ do con người cố gắng tạo ra chẳng thể nào sánh kịp: “*“Có người hỏi: “Văn quý ở chỗ nào?” Ông trả lời “Quý ở tự nhiên. Hoa mùa xuân chẳng gắm lụa nào sánh kịp, chín vực sâu không sự đào khoét nào có thể so bì”*” (Nam Sơn tùng thoại) (Phan Trọng Thường và cộng sự, 2007: 277).

Cao Xuân Dục, trong *Bài tựa tập Liên đàn kê thi thoại*, đã quan niệm văn chương không chỉ là cửa ngõ của muôn vật, trái tim của trời đất, mà văn chương còn chính là Đạo, Đạo ở đây được hiểu theo nghĩa của Thiên-Lão. Đạo tức là Tự nhiên là chân tánh: “*Thơ là tổ của quân đức, là tông của trăm phúc, chẳng những là cửa ngõ của muôn vật, trái tim của trời đất, mà còn là cái Một của Đạo*” (Phan Trọng Thường và cộng sự, 2007: 292).

Như đã đề cập ở phần trên Tự nhiên không chỉ là Đạo, Tự nhiên còn là quy luật. Bên cạnh quan niệm Văn chương - Tự nhiên - Đạo, một số tác giả còn bộc lộ quan niệm: Văn chương - quy luật Tự nhiên.

Phạm Nguyễn Du ca ngợi cảnh giới thơ Bình đạm gắn với Tự nhiên, từ đó ông quan niệm làm thơ phải theo lẽ Tự nhiên: “*chuyên chú vào sự tỏa sáng, tự nhiên mà thành văn vẻ, rất bình đạm mà sinh lý thú*” (Phan Trọng Thường và cộng sự, 2007: 174).

Nguyễn Quỳnh, trong bài tựa Tây Hồ mạn hứng của Ninh Tôn, qua việc đề cao hứng thơ và xem đó như là quy luật tất yếu của Tự nhiên: “*Người như sóng biển, chữ như nước, hứng thì như gió. Gió thổi tới sóng biển, cho nên nước lay động làm thành gợn, thành sóng, thành ba đào. Hứng chạm vào người ta cho nên chữ nổi dậy, không nên nín được mà sinh ra ở trong lòng, ngâm vịnh ở ngoài miệng, viết nên ở bút nghiêng giấy mực*” (Nguyễn Minh Tấn, 1981: 103).

Cao Bá Quát cũng quan niệm đề cao Tự nhiên, giản phác trong sáng tác thơ. Theo ông, tứ thơ cần thanh thoát, tao nhã: “*Văn nhã tức ngô su*” (Văn tao nhã là thầy của ta). Vì thế, theo

Cao Bá Quát, hứng thơ đến bất chợt, không thể có sự gượng ép, là quy luật của Tự nhiên, như cơn mưa đến giục làm thơ (Ung thị vũ thôi thi). Trong bài thơ *Đúng là mưa giục thơ*, cơn mưa chính là nguồn cảm hứng xúc tác cho thi nhân viết thành thơ. Tác giả hình dung hạt mưa như vó ngựa phi, từng hình ảnh, âm thanh của Tự nhiên như bầu trời, tiếng gió, tiếng sấm sét như tạo nên cảm hứng, chất liệu ngôn từ, nhịp điệu cho thơ.

Vũ Duy Thanh cũng cho rằng vạn vật, mọi hiện tượng Tự nhiên thừa ban đầu vốn chất phác, hồn toàn. Cho nên thi nhân làm thơ cứ theo quy luật ấy mà làm, không cần phải thay đổi: “*Tạo vật từ buổi đầu vốn thuần nhất và chân thực trên bày dưới đất, cái lý ấy tự trình bày*” (Đỗ Văn Hy, 1993: 76).

Văn chương - Tự nhiên không gọt giũa

Mở đầu Toàn Việt thi lục, Lê Quý Đôn cho rằng làm văn không nên gọt giũa, vì gọt giũa làm hại đến văn chương: “*Thơ của các bậc danh sĩ xưa nay rất tinh, rất thực, hợp thể, cái đó đủ rồi. Nếu chọn nắn nót, ưa nói lạ, gò gẫm từng chữ, từng câu, thơ làm ra sẽ kém*” (Nguyễn Minh Tấn, 1981: 88). Văn chương của ông cũng vậy, không đeo gọt cầu kỳ như Phan Huy Chú nhận xét. Phan Huy Chú đã dùng những hình ảnh rất sinh động, tươi đẹp và rực rỡ của tự nhiên như tiếng “*chim ríu rít*”, “*hoa mùa xuân tươi nở đúng kỳ*” để nói lên phong cách Tự nhiên của Lê Quý Đôn. Từ đó khen ngợi phong cách thanh tao, không đeo gọt cầu kỳ: “*Tôi từng thử bàn về điều này: Việc trước thuật của Lê Công như sóng dài bề rộng, đầy tràn, tít tắp, không nơi nào không đến thế mà sự kỳ diệu của những lời ngâm vịnh của ông lại cũng như chim [ríu rít] mùa xuân, hoa [tươi nở] đúng kỳ; âm điệu hay, phong cách thanh tao đâu phải là cái nhờ đeo gọt cầu kỳ mà có thể có được...*” (Phan Trọng Thường và cộng sự, 2007: 190).

Khi đọc về tập thơ của Nhữ Sơn Ngô Tử (Ngô Nhân Tĩnh), Nguyễn Địch Cát cho rằng thơ của Nhữ Sơn Ngô Tử có phong cách Tự nhiên, là tiếng nói của “*Thiên lại*”, bởi không có dấu vết ca sự cầu kỳ, đeo gọt: “*Nhân cách của Nhữ Sơn Ngô Tử là ưa tự nhiên thích rãnh việc.*

Tập thơ này có tới một trăm vài chục bài. Tôi thường ngạc nhiên về việc đó, nhưng đọc hết tập tôi thấy sáo trời vang lên, ý tới thì bút tới, mà cũng không thấy cái dấu vết đeo gọt chạm trổ...” (Phan Trọng Thường và cộng sự, 2007: 226).

Ngô Thì Nhậm quan niệm việc làm văn chương cũng là việc nói theo quy luật biến đổi của vạn vật, cái hay của tác phẩm văn chương là ở sự mộc mạc, chất phác. Không gượng sức, gọt giũa nhưng thực chất là: “*Tuy đeo gọt nhưng không thấy dấu. Người làm văn quý ở mực thước, thanh nhã, hồn nhiên; biết nắm lấy cái thực làm cốt tử, rồi dùng đẹp để trang sức thêm. Làm thơ cũng phải như thế*” (Phan Trọng Thường và cộng sự, 2007: 142).

Trong Thơ gửi Quảng Đông du từ Liêu Luận Anh, Nguyễn Văn Siêu ví việc làm thơ như trồng cây. Nếu thuận theo Tự nhiên thì cây phát triển, vươn cao, mạnh mẽ; còn đi ngược lẽ Tự nhiên thì cây sẽ tàn tạ,... Tương tự, việc sáng tác thơ cũng cần tránh việc khoa trương, lời hoa mỹ mà thiếu chân thực: “*Bởi vì cái tô sức ở bên ngoài thì bên trong tàn tạ, cái vun đắp ở bên trong, thì bên ngoài tốt tươi*”. Và “*lời càng khéo thì càng mất điều chân thực (chân), ý càng kỳ thì càng rơi xuống hư hao*” (Nguyễn Minh Tấn, 1981: 129).

Ngô Thì Sĩ xuất thân là nhà nho, cuối đời theo Phật, chuộng Đạo, chủ trương tam giáo đồng nguyên, vì vậy, quan niệm văn chương của ông cũng mang sắc thái Thiên-Lão. Ông đề cao Tự nhiên trong sáng tác văn học, ông cho rằng, làm thơ là phải “*nói theo sự biến đổi của vạn vật*” tức là thuận theo quy luật Tự nhiên. Ngôn từ cũng nên tránh đeo gọt cầu kỳ, sáng tác cần xuất phát từ cảm hứng Tự nhiên và chân thực.

4. Kết luận

Trong lý luận, phê bình văn học cổ điển Trung Quốc và Việt Nam, sùng thượng Tự nhiên là một trong những khuynh hướng tư tưởng nổi bật. Ở Trung Quốc, khuynh hướng này có lịch sử hơn 2000 năm và ảnh hưởng khá sâu rộng trong văn học cổ Trung Quốc và các nước Đông Á. Đối với Việt Nam, khuynh hướng này khởi phát trong thời Lý - Trần chủ yếu biểu hiện qua sáng tác với những mệnh đề:

Tự nhiên - bản thể; Tự nhiên - đạt Đạo; Tự nhiên - vô vi; Tự nhiên - an nhiên, tự tại; Tự nhiên - tùy duyên; Tự nhiên - con người hợp nhất. Sau thời Lý - Trần, đặc biệt đến đầu thế kỷ XVIII, sùng thượng Tự nhiên được các tác giả tự ý thức, thể hiện qua những lời phát biểu trực tiếp trên các phương diện của Tự nhiên: Văn chương - Tự nhiên - Đạo, Văn chương - Tự nhiên không gọt giũa.

Về mặt tư tưởng, Tự nhiên trong văn học cổ điển Việt Nam mang dấu ấn của tư tưởng Thiên-Lão và có sự ảnh hưởng từ quan niệm Tự nhiên trong lý luận, phê bình văn học cổ Trung Quốc. Tuy nhiên, trong lý luận, phê bình và trong thực tiễn sáng tác, sùng thượng đã có sự dung hợp tam giáo, đã được Việt hóa. Vì vậy, quan niệm Tự nhiên của Việt Nam trở nên gần gũi, bình dị, nhưng cũng rất huyền diệu.

Trên phương diện lý luận, phê bình, quan niệm sùng thượng Tự nhiên của Việt Nam có nhiều điểm tương đồng với quan niệm văn học Trung Quốc. Cả hai đều xem Tự nhiên là phẩm chất của văn chương, văn chương phải biểu hiện cái Tự nhiên, tức là Đạo, văn chương là cái đức của Đạo. Sáng tác văn chương phải theo quy luật của Tự nhiên, chú trọng tính Tự nhiên và hành động vô vi trong quá trình sáng tác. Điều đó đồng nghĩa với sự phản đối câu kỳ, gọt giũa trong văn chương.

Trong thực tiễn sáng tác, quan niệm đề cao Tự nhiên đã trở thành khuynh hướng nghệ thuật xuyên suốt trong văn học cổ điển Trung Quốc và Việt Nam. Nếu quan niệm “Văn dĩ tải đạo”, “Thi dĩ ngôn chí” của Nho giáo là để các nhà văn, nhà thơ biểu hiện ra bên ngoài nhằm kinh bang tế thế, thì quan niệm sùng thượng Tự nhiên của Thiên-Lão chủ yếu là sự biểu hiện bên trong để di dưỡng tính tình, giữ gìn sự thanh sạch của tâm hồn, cao hơn là để thể hiện sự thấu triệt chân lý cuộc đời và hướng đến sự giác ngộ, đạt Đạo.

Tài liệu tham khảo

Capra, F. (1975). *The Tao of Physics: An Exploration of the Parallels Between Modern Physics and Eastern Mysticism*. Nguyễn Tường Bách

(dịch) (2001). *Đạo của Vật lý, Một sự khám phá mới về sự tương đồng giữa Vật lý hiện đại và Đạo học phương Đông*. Tái bản lần 3. Tp. HCM, Nxb Trẻ.

Nguyễn Duy Cần (2013). *Trang Tử Nam hoa kinh*, tập 1. Tp. HCM, Nxb Trẻ.

Dương Ngọc Dũng (1999). *Dẫn nhập tư tưởng lý luận văn học Trung Quốc*. Hà Nội, Nxb Văn học.

Trần Thanh Đạm, Phạm Thị Hào (2007). *Lưu Hiệp Văn tâm điều long*. Hà Nội, Nxb Văn học.

Lê Giang (2001). *Ý thức văn học cổ trung đại Việt Nam*. Luận án tiến sĩ Ngữ văn, Đại học Quốc gia Tp. HCM.

Lê Giang (2005). *Tư tưởng lý luận văn học Trung Quốc - Lịch sử và tư liệu*. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Tp. HCM.

Đỗ Văn Hỷ (1993). *Người xưa bàn về văn chương*. Hà Nội, Nxb Khoa học Xã hội.

Khoa Ngữ văn và Báo chí (2006). Một số vấn đề về lý luận, phê bình văn học cổ Trung Quốc. Kỷ yếu Hội nghị khoa học “Cái nhìn mới về lý luận, phê bình văn học cổ Trung Quốc”, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Tp. HCM.

Viên Mai (-). Trương Đình Chi (dịch) (2002). *Tùy viên thi thoại*. Nxb Văn nghệ Tp. HCM.

Nguyễn Tôn Nhan (1998). *Từ điển văn học cổ điển Trung Quốc*. Nxb Văn nghệ Tp. HCM.

Dương Phong (tuyển chọn) (2014). *Thơ thời Lý - Trần*. Hà Nội, Nxb Văn học.

Nguyễn Minh Tấn (chủ biên) (1981). *Từ trong di sản...* Hà Nội, Nxb Tác phẩm mới.

Phan Trọng Thường, Nguyễn Cừ, Vũ Thanh, Trần Nho Thìn (sưu tầm, tuyển chọn và giới thiệu) (2007). *Mười thế kỷ bàn luận về văn chương*. Hà Nội, Nxb Giáo dục.

Lê Đắc Tường (2019). Khuynh hướng Thiên - Lão trong quan niệm văn học Việt Nam giai đoạn hậu kỳ trung đại. *Tạp chí Nghiên cứu Văn học*, số 2.

Lê Quang Trường (2009). *Lý Thương Ẩn - Lan trong rừng vắng*. Nxb Văn nghệ Tp. HCM.

Viện Văn học (1977). *Thơ văn Lý - Trần*, tập 1. Nxb Khoa học xã hội.

Viện Văn học (1989). *Thơ văn Lý - Trần*, tập 2, quyển thượng. Nxb Khoa học xã hội.

Chung Vinh (-). *Thi phẩm tập bình*. Nguyễn Đình Phúc, Lê Quang Trường (tuyển dịch) (2008). Nxb Văn nghệ Tp. HCM.